

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST
Ngày 14 - 01 – 2020
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 554/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trương Văn C, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2019 và tại các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị H (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C chung sống như vợ chồng từ ngày 09 tháng 6 năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cách sống, anh Cu không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống , chị và anh C không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh C có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh C không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai tại Tòa án, anh Trương Văn C (Bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H chung sống như vợ chồng từ ngày 09 tháng 6 năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm , đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận được với nhau nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung : Anh và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị H và anh C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C có địa chỉ cư trú tại khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị H và anh C chung sống như vợ chồng từ ngày 09 tháng 6 năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì chị H có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn . Yêu cầu của chị H đã được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H và anh C đồng ý ly hôn nhưng do chị H và anh C không có đăng ký kết hôn

nên Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh C không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C không có giá trị pháp lý. Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị H và anh C là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh C xác định trong thời gian chung sống không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh C có tài sản chung nhưng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị H và anh C thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị H phải nộp án phí số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 207, 220, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 09, 14, 51, 53, 54, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn C là vợ chồng.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004944 ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng

